

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/DS-ST.

Ngày: 18-01-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hanh

Ông Lê Thanh Miện

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/01/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 215/2022/TLST- DS ngày 25/10/2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:140/2022/QĐXXST-DS ngày 27/12/2022 của tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thanh P, sinh năm 1970

Địa chỉ: Phòng 10B3, T , phường N quận B , thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Số nhà 26, ngõ 90, đường B , phường N , quận B , thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Bùi Bắc H, sinh năm 1970

Địa chỉ: thôn H , xã Đ , huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Chu Thị D, sinh năm 1979

Địa chỉ: thôn H , xã Đ , huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chị P, anh H, chị D đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thanh P trình bày:

Do chị và anh H là chị em nên từ trước đến nay chị em vẫn đi lại quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh H cần vốn để kinh doanh nên có hỏi vay chị tiền nhiều lần. Ngày 23/10/2018 đương lịch chị có cho anh H và chị D vay số tiền 200.000.000đồng. Khi vay thì chị chuyển khoản cho anh H và chị D nhưng anh H

và chị D có viết giấy vay tiền với chị. Có chữ ký của cả anh H và chị D. Trong giấy vay tiền anh H và chị D không hẹn ngày trả nợ cũng không thỏa thuận về lãi suất nhưng trên thực tế hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất là 1%/tháng. Tuy nhiên, kể từ ngày vay đến nay anh H và chị D không trả được cho chị tiền nợ gốc và tiền lãi mặc dù chị đã đòi và nhắc tin nhiều lần.

Nay chị khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa buộc anh Bùi Bắc H và chị Chu Thị D phải trả cho chị số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng và tiền nợ lãi theo quy định pháp luật là 10%/1 năm kể từ ngày vay 23/10/2018 cho đến khai anh H và chị D trả xong nợ.

Bị đơn là anh Bùi Bắc H trình bày: Anh và chị P là chị em. Từ trước đến nay chị em không có mâu thuẫn gì. Do cần tiền làm ăn nên ngày 23/10/2018 vợ chồng anh có vay của chị P số tiền 200.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 23/10/2018 dương lịch có chữ ký xác nhận của anh là chồng Bùi Bắc H và vợ anh là chị Chu Thị D là đúng. Do việc làm ăn gặp khó khăn anh chưa bán được đất để trả tiền cho chị P. Nay chị P khởi kiện yêu cầu anh phải trả số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay tiền đến nay thì anh đồng ý và không có ý kiến gì. Anh đề nghị chị P cho anh được trả dần. Do anh bận công việc nên không đến Tòa án làm việc được nên anh có đơn đề nghị Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Chu Thị D trình bày: chị đồng ý ý kiến của anh H chồng chị và đồng ý trả nợ cho chị P số tiền nợ gốc 200.000.000đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật theo yêu cầu của chị P. Tuy nhiên, chị đề nghị được trả dần theo phương án mà anh H đã đưa ra. Nếu chị P không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Áp dụng các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357; 468; 469; 688 Bộ luật Dân sự ; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thanh P buộc anh Bùi Bắc H và chị Chu Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thanh P số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng, số tiền nợ lãi theo quy định pháp luật là 10%/năm từ ngày 23/10/2018 đến nay ngày 18/01/2023 là 84.721.000đồng.

Về án phí: Anh H, chị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ do chị P đã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đầy đủ, đúng pháp luật.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do chị P giao nộp, lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy chị Lê Thanh P khởi kiện yêu cầu anh Bùi Bắc H và chị Chu Thị D phải thanh toán số tiền còn nợ gốc là 200.000.000đồng và tiền lãi kể từ khi vay đến nay là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Bùi Bắc H là bị đơn đang cư trú trên địa bàn huyện Hiệp Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của chị Lê Thanh P; anh Bùi Bắc H và chị Chu Thị D nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn chị P: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các bên xuất trình và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy: Do mối quan hệ gia đình nên chị P có cho vợ chồng anh Bùi Bắc H và chị Chu Thị D vay số tiền 200.000.000đồng, có giấy biên nhận vay tiền ngày 23/10/2018(đương lịch) do anh H, chị D ký nhận nợ. Quá trình vay nợ anh H và chị D chưa trả được cho chị P số tiền nợ gốc 200.000.000đồng mặc dù chị P đã đòi nhiều lần. Việc anh H, chị D không trả tiền cho chị P là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Quá trình làm việc với anh H, chị D cũng đồng ý trả tiền vay cho chị P nhưng vì làm ăn gặp khó khăn có nên chưa trả được. Nay chị P khởi kiện yêu cầu tòa án buộc anh H và chị D phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho chị P số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ, trách nhiệm thanh toán: Anh H, chị D cùng thừa nhận số tiền còn nợ và đồng ý trả cho chị P số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng nên cần buộc anh

H và chị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị P số tiền nợ gốc 200.000.000đồng là có căn cứ.

[4] Về lãi xuất: Mặc dù trong giấy vay tiền ngày 23/10/2018(dương lịch) không thể hiện hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng chị P, anh H, chị D cùng xác định là hợp đồng vay có lãi suất. Chị P xác định là lãi xuất 1%/tháng nhưng anh H và chị D chỉ đồng ý trả tiền lãi theo lãi suất quy định của pháp luật. Vì vậy, xác định đây là hợp đồng vay tài sản có tranh chấp về lãi suất nên cần áp dụng điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi xuất theo quy định pháp luật là 10%/1 năm đối với hợp đồng vay tài sản giữa chị P với anh H, chị D là phù hợp. Kể từ ngày vay 23/10/2018(dương lịch) anh H và chị D chưa trả tiền lãi cho chị P nên cần buộc anh H, chị D phải trả số tiền lãi cho chị P từ ngày 23/10/2018(dương lịch) đến ngày xét xử hôm nay 18/01/2023(dương lịch) là có căn cứ. Theo đó, anh H và chị D phải trả cho chị P số tiền nợ lãi là:

$200.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 4 \text{ năm} 02 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 84.721.000 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi mà anh H và chị D phải trả cho chị P là 284.721.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của chị P được chấp nhận nên bị đơn anh H, chị D phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Áp dụng các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357; 468; 469; 688 Bộ luật Dân sự ; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thanh P.

Buộc anh Bùi Bắc H và chị Chu Thị D có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho chị Lê Thanh P số tiền là 284.721.000đồng (Hai trăm tám mươi tư triệu bảy trăm hai một nghìn đồng).Trong đó: số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 84.721.000 đồng)

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Anh Bùi Bắc H và chị Chu Thị D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 14.236.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị Lê Thanh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008393 ngày 25 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Oanh